

Bản án số: 03/2021/TCDS-ST
Ngày: 15-01-2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI - TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Huy – Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thái Quang – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2020/TLST-TCDS ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXX-ST ngày 16 tháng 12 năm 2020 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 08/2021/TB-XX ngày 05 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng; Địa chỉ: Số 2, đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh T, chức vụ phó giám đốc phụ trách điều hành Ngân hàng N Chi nhánh thành phố Y II.

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Tú O – Chức vụ: Giám đốc, phòng giao dịch số 9 Ngân hàng N Chi nhánh thành phố Y II; địa chỉ: Số 884, đường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. “có mặt”

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1958; bà Nguyễn Thị Thúy, sinh năm 1960 cùng địa chỉ: Tổ 16 (tổ 28 cũ), phường Đ, thành phố Y, tỉnh Y “đều vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện; đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/9/2010 Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố Yên Bái II (gọi tắt là Agribank) đã ký hợp đồng tín dụng số 8701/LAV – 201001870 với ông Nguyễn Đức C và bà Nguyễn Thị Th cụ thể như sau: Số tiền vay là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Mục đích vay: Để sửa chữa nhà ở, mua xe máy. Thời gian cho vay là 36 tháng từ 09/9/2010 đến ngày 09/9/2013. Lãi suất cho vay: Tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng là 1,5%/tháng. Áp dụng lãi suất thả nổi Ngân hàng chủ động điều chỉnh lãi suất tiền vay theo quy định trên cơ sở lãi suất tiền gửi huy động. Lãi suất nợ quá hạn tối đa bằng 22,5% so với lãi suất vay đã thỏa thuận.

Ngày 14/9/2010 Agribank giải ngân đủ số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Đức C vi phạm nghĩa vụ về trả nợ tiền gốc, lãi tiền vay theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Agribank. Tính đến ngày 15/01/2021 ông C đã trả được: 9.572.933đồng (trong đó trả nợ gốc 2.000.000đồng; trả nợ lãi đến ngày 09/8/2011: 7.572.933đồng). Hiện tại khoản vay của ông C và bà T đã bị quá hạn. Đến ngày 15/01/2021. Dư nợ của ông Nguyễn Đức C và bà Nguyễn Thị T là 108.973.499đồng, trong đó: nợ gốc là 38.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 15.707.249 đồng; lãi quá hạn là: 55.266.250 đồng.

Agribank đã nhiều lần làm việc trực tiếp hoặc bằng văn bản yêu cầu ông C, bà T thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến hạn và quá hạn (gốc và lãi) của khoản vay nêu trên tuy nhiên ông C, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Agribank, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ cam kết với Agribank theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Agribank. Do vậy, Agribank đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái giải quyết:

1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Đức C và bà Nguyễn Thị T phải trả nợ tiền gốc, lãi, phí phạt quá hạn cho Agribank theo Hợp đồng tín dụng nêu trên, tính đến ngày 15/01/2021 là: 108.973.499đồng, trong đó: nợ gốc là 38.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 15.707.249 đồng; lãi quá hạn là: 55.266.250 đồng.

2. Buộc ông Nguyễn Đức C và bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 8701 – LAV – 2010001870 ngày 09/9/2010, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án cho đến ngày thực tế ông C, bà Thúy trả hết nợ gốc cho Agribank. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng giữa Agribank và ông C bà Thúy có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất qua từng thời kỳ của Agribank cho vay thì lãi suất ông C, bà T tiếp tục phải thanh toán cho Agribank theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Agribank cho vay.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Nguyễn Đức C trình bày: Ông C đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Agribank.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bà T cố tình lẩn tránh vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng được phát sinh từ quan hệ hợp đồng ký kết tại thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Bị đơn ông Nguyễn Đức C có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông C và bà T

[2] Về pháp luật áp dụng: Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Bộ luật dân sự năm 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan có hiệu lực tại thời điểm giao kết hợp đồng và phát sinh tranh chấp.

[3] Về tính hợp pháp của các Hợp đồng tín dụng ký giữa Agribank và ông Nguyễn Đức C và bà Nguyễn Thị T: Hợp đồng tín dụng số số 8701/LAV – 201001870 được ký giữa Agribank và ông Nguyễn Đức C và bà Nguyễn Thị T được các bên tự nguyện ký kết, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định các Điều 122, 123, 124, 388, 389, 471, 473 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên hợp đồng nêu trên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình thực hiện, ông C và bà T đã vi phạm nghĩa vụ, không trả gốc và lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Vì vậy Agribank căn cứ vào thỏa thuận của các bên tại Điều 9 điều khoản về cam kết chung của Hợp đồng tín dụng để khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đức C và bà Nguyễn Thị T trả nợ là có căn cứ, phù hợp với các Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[4] Về số tiền gốc còn nợ: Nguyên đơn đã xuất trình Hợp đồng tín dụng, các tài liệu thể hiện số tiền gốc đã vay, phương thức cho vay; số tiền đã trả; Như vậy căn cứ khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, đủ cơ sở buộc bị đơn phải trả cho Agribank số tiền gốc còn nợ của Hợp đồng tín dụng nêu trên là: 38.000.000đồng (*Ba mươi tám triệu đồng*). Bị đơn phải chịu lãi suất trên số nợ gốc kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm đến khi thanh toán xong với mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng.

[5] Về số tiền lãi: Bị đơn ông Nguyễn Đức C và bà Nguyễn Thị T không trả nợ Agribank đúng thời hạn các bên đã thỏa thuận là vi phạm Hợp đồng tín dụng. Agribank căn cứ thỏa thuận của các bên tại Điều 2 và Điều 7 của Hợp đồng tín dụng tính lãi trong hạn, lãi quá hạn là phù hợp Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi bị

đơn phải trả lãi tính đến ngày 15 tháng 01 năm 2021 là 70.973.499đồng; nợ lãi trong hạn: 15.707.249 đồng; lãi quá hạn là: 55.266.250 đồng.

[6] Về án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 108.973.499 đồng x 5% = 5.448.674đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

2. Buộc ông Nguyễn Đức C và bà Nguyễn Thị T trả nợ cho Ngân hàng N, số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 8701/LAV – 201001870 được ký ngày 09/9/2010 là: 108.973.499đồng, trong đó: nợ gốc là 38.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 15.707.249 đồng; lãi quá hạn là: 55.266.250 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, nếu bị đơn không trả hết số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Agribank cho vay thì lãi suất mà bị đơn vay phải tiếp tục thanh toán cho Agribank cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Agribank cho vay.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Đức C và bà Nguyễn Thị T phải chịu 5.448.674đ (Năm triệu, bốn trăm bốn tám nghìn, sáu trăm bảy mươi tư đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N được trả lại số tiền tạm ứng án phí 2.659.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2017/0006654 ngày 05-11-2010 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Yên Bái;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP Yên Bái;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyền